

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị thẩm định và phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Hương Sơn, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Nam Đông

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 73/2021/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định về phân công, phân cấp và uỷ quyền công tác quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND huyện Nam Đông về việc phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch chung xây dựng xã Hương Sơn, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030.

Căn cứ Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 15/3 /2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/12/2022 của Hội đồng nhân dân xã Hương Sơn về việc thông qua Quy hoạch chung xây dựng xã Hương Sơn, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030.

UBND xã Hương Sơn kính trình Phòng Kinh tế và Hạ tầng thẩm định, trình UBND huyện Nam Đông phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Hương Sơn,

huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030 với những nội dung sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Hương Sơn, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030.

2. Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch: Toàn bộ ranh giới hành chính xã Hương Sơn:

- + Phía Đông giáp xã Hương Phú, xã Hương Xuân.
- + Phía Tây giáp xã thượng Quảng.
- + Phía Nam giáp xã Hương Xuân, xã Hương Hữu.
- + Phía Bắc giáp thị xã hương Thủy.

3. Thời hạn quy hoạch

- Quy hoạch giai đoạn ngắn hạn đến năm 2025.
- Quy hoạch giai đoạn dài hạn đến năm 2030.

4. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch

4.1. Quan điểm:

- Phát triển kinh tế - xã hội của xã Hương Sơn được đặt trong sự phát triển kinh tế - xã hội chung của huyện Nam Đông; trong mối quan hệ liên kết và phát triển với các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

- Phát huy lợi thế, tiềm năng và khai thác có hiệu quả các nguồn lực của địa phương về đất đai, tài nguyên khoáng sản và vị trí địa lý - kinh tế nhằm định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương thông qua các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện Nam Đông.

- Gắn phát triển kinh tế - xã hội kết hợp chặt chẽ với bảo vệ môi trường và cân bằng sinh thái; bảo vệ tài nguyên rừng và phát triển nông nghiệp; cảnh quan thiên nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học; đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

- Xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới.

- Phát triển bền vững gắn liền với thích ứng biến đổi khí hậu. Coi trọng các giải pháp phòng tránh thiên tai (trước hết là phòng tránh lũ) để giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản cho nhân dân.

- Quy hoạch chung xây dựng xã Hương Sơn đến năm 2030 phải nằm trong định hướng quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong Quy hoạch vùng huyện Nam Đông đã được phê duyệt tại Quyết định số 2729/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4.2. Mục tiêu:

1) Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch ngành trong đồ án quy hoạch nông thôn mới cấp xã, tạo sự đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển bền vững.

2) Xác lập quỹ đất ở, quỹ đất xây dựng công trình công cộng, quỹ đất về hạ tầng kỹ thuật và quỹ đất sản xuất nông lâm nghiệp nhằm đảm bảo sử dụng đất có hiệu quả, gắn kết giữa hoạt động sản xuất, bảo vệ môi trường, an ninh quốc phòng đến năm 2030, gắn với không gian cảnh quan đặc thù và bản sắc văn hóa của đồng bào dân tộc.

3) Thiết lập công cụ quản lý, kiểm soát không gian trên địa bàn xã, làm cơ sở để hướng dẫn, quản lý trong quá trình thực hiện các dự án, chương trình đầu tư và hoạch định các chính sách phát triển kinh tế xã hội, quản lý và phát triển các khu dân cư nông thôn, các khu vực phát triển nông nghiệp, du lịch sinh thái cộng đồng,... và hệ thống các công trình chuyên ngành đến năm 2030.

4) Gắn kết chặt chẽ với Chương trình xây dựng nông thôn mới, các chương trình mục tiêu, các chương trình, dự án khác đang triển khai trên địa bàn xã để phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

5) Tạo liên kết vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

6) Phù hợp với định hướng Quy hoạch vùng huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

5.1. Quy hoạch giao thông:

- Hệ thống giao thông toàn xã được định hướng quy hoạch gồm tuyến giao thông chính là đường Tỉnh lộ 74, đầu nối với huyện A Lưới và huyện Nam Đông dài 12,45 km. Các tuyến giao thông liên xã, liên thôn, đồng thời là các trục chính thôn, tạo tính liên hoàn liên kết các thôn và kết nối được với trung tâm xã. Các tuyến trong thôn được nâng cấp, mở rộng, nắn tuyến phù hợp tạo sự ngăn nắp trong khu dân cư, được đầu nối ra tuyến liên thôn và trục chính thôn. Quy hoạch phù hợp tạo được sự thuận lợi trong đi lại và sinh hoạt của người người dân. Hệ thống đường sản xuất nội đồng được quy hoạch theo đúng lộ giới quy định phù hợp cơ giới hóa và hiện đại hóa nông nghiệp trong tương lai.

- Hệ thống giao thông trục liên vùng: Trục quốc lộ 14E, theo định hướng Quy hoạch vùng huyện Nam Đông sẽ mở mới liên kết vùng kết nối với thị xã Hương Thủy qua địa bàn xã Hương Sơn chiều dài tuyến đi qua địa bàn xã 4,46 km. Quy hoạch mở rộng tuyến 16m, đường tiêu chuẩn cấp III-IV, quy mô 2 làn xe, tiêu chuẩn mặt cắt kỹ thuật 3m + 10 m + 3m.

TT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Bề rộng (m)		Giai đoạn QH
					Nền	Mặt	
1	Đường Tỉnh lộ 74	Giáp ranh giới xã Hương Xuân	Thôn Pa Noong	12,45	26,0	15,0	2026-2030
2	Mở mới QL 14 E Hương	Thôn Pa Noong	Thôn Pa Noong	4,46	16,0	12,0	2026-2030

Sơn đi Hương Thủy						
-------------------	--	--	--	--	--	--

Giao thông đối nội:

Gắn liền với định hướng phát triển đô thị trong tương lai, quy hoạch hệ thống giao thông xã có lộ giới và quy định theo quy hoạch đô thị, lớn hơn so với tiêu chí của nông thôn mới, cụ thể như sau:

- Đường trục chính trung tâm và đường liên xã: lộ giới quy hoạch 16,5m, chỉ giới xây dựng mỗi bên lùi 3 m và có mặt cắt như sau (3m+10,5m+3m).

- Các trục đường liên thôn quy hoạch có lộ giới quy hoạch 13,5m, chỉ giới xây dựng lùi mỗi bên 3m và có mặt cắt như sau (3m+7,5m+3m).

- Các tuyến đường thôn, ngõ xóm chính với lộ giới quy hoạch 6,0m chỉ giới xây dựng mỗi bên lùi 1,5m và có mặt cắt như sau (1,5m+3,0m+1,5m).

***Đối với giao thông khu vực sản xuất:** chủ yếu là các tuyến đường vào các khu vực trồng rừng, lộ giới quy hoạch được xác định cho các tuyến đường này là 6,0 m, chỉ giới xây dựng mỗi bên lùi 1,5m và có mặt cắt như sau (1,5m+3,0m+1,5m).

Trong thời gian tới quy hoạch tuyến giao thông đối nội trên địa bàn xã như sau:

(*) Đường bê tông làm mới và chỉnh sửa đến năm 2030 là: 3.741 m Trong đó các thôn như sau:

(1) Đường bê tông tại thôn Bha Bhar mở rộng và làm mới 1.015 m trong đó:

+ Với đường làm mới 590 m.

+ Đường mở rộng và nâng cấp: 425 m.

(2) Đường bê tông tại thôn Ta Rung: mở rộng và nâng cấp 650 m.

(3) Đường bê tông tại thôn Pa Noong: mở rộng và nâng cấp 1.726 m: trong đó mở rộng và nâng cấp đường bê tông: 1.036 m và mở rộng và nâng cấp đường nhựa: 690 m.

(4) Nâng cấp đường bê tông tại thôn A2 với chiều dài 350 m.

5.2. Quy hoạch cấp nước:

Hệ thống cấp nước được định hướng quy hoạch đầu nối với tuyến cấp có sẵn của xã dạng mạng lưới xương cá. Tuyến ống chính chạy theo các trục giao thông chính, rẽ nhánh các tuyến ống nhỏ vào thôn xóm. Giải quyết áp lực nước phù hợp với địa hình và nhu cầu xây dựng nhà trong tương lai của xã.

5.3. Quy hoạch cấp điện:

Hệ thống cấp điện: Tính toán nhu cầu sử dụng điện đến năm 2030 cho toàn xã, từ đó quy hoạch xây dựng thêm trạm biến áp, và hệ thống đường dây trung thế và hạ thế. Đối với khu công nghiệp, khu vực trang trại cần xây dựng trạm biến áp và đường dây dẫn riêng phục vụ sản xuất. Đối với hệ thống điện cao thế 220kv có hành lang an toàn là 30m, trong khu vực này không được phép xây dựng công trình.

5.4. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

a. Quy hoạch nước thải

- Hệ thống thoát nước: quy hoạch chung hệ thống thoát nước mặt và nước thải, các tuyến cống, mương được quy hoạch từ khu dân cư chảy về hệ thống kênh mương trên địa bàn xã ra các khe suối sau khi được xử lý. Hướng thoát theo địa hình tự nhiên của xã. Đối với khu công nghiệp sản xuất đá ốp lát và các khu nuôi trồng thủy sản phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải riêng trước khi đầu nối với hệ thống thoát nước chung toàn xã.

b. Thu gom và xử lý chất thải rắn:

- Chất thải rắn sinh hoạt: phân loại chất thải rắn (CTR) ngay tại nguồn thành 3 loại: có khả năng tái chế, tái sử dụng, chất thải hữu cơ và chất thải rắn khác. CTR hữu cơ cho chăn nuôi gia súc, ù, tạo thành phân vi sinh phục vụ nông nghiệp, chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng đem sử dụng hoặc bán phế liệu. CTR khác được đem đến các điểm tập kết thu gom rác của xã để vận chuyển đến nơi xử lý của huyện.

- Bố trí thùng chứa, xe chuyên dụng để vận chuyển CTR khác đến điểm xử lý của huyện.

- Thành lập tổ, đội thu gom rác đã phân loại từ hộ gia đình đến các điểm tập trung đối với các khu vực đông dân cư.

5.5. Quy hoạch nghĩa trang:

- Theo quy hoạch chung đến năm 2030 thì trên địa bàn xã có Khu nghĩa trang dùng chung tại thôn Ta Rung được mở rộng quy mô. Tổng diện tích đất quy hoạch nghĩa trang toàn xã là 3,56 ha.

5.6. Quy hoạch các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu

Để hạn chế tác động của biến đổi khí hậu trên địa bàn xã, do trên địa bàn không có các công trình trọng điểm về phòng chống, ứng phó với biến đổi khí hậu riêng biệt vì vậy để góp phần vào công tác phòng chống và ứng phó với biến đổi khí hậu giảm nhẹ thiên tai trên địa bàn xã Hương Sơn trong thời gian tới sẽ thực hiện một số nội dung, hạng mục như sau:

- Xây dựng bờ kè thôn Ta Rung 250 m.

- Xây dựng mới và nâng cấp bờ kè thôn Bha Bha: 448 m.

- Xác lập các địa điểm công cộng, cơ quan sự nghiệp trên địa bàn xã như Trụ sở UBND xã, Trụ sở Công an, Trường tiểu học, Trường Mầm non, Nhà văn hóa xã, Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn làm các điểm trú ẩn, nhà trú ẩn khi sự cố thiên tai xảy ra, đảm bảo các thôn đều có điểm tập kết dân cư đến vị trí gần nhất khi có sự cố xảy ra để xử lý kịp thời.

6. Quy hoạch hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp và phòng chống thiên tai.

6.1. Giao thông nội đồng

Hệ thống đường giao thông sản xuất dự kiến mở mới 5.132 km, rộng 6,0 m, tiêu chuẩn mặt cắt kỹ thuật 1,5-3-1,5.

(*) Đường sản xuất với tổng chiều dài quy hoạch làm mới và mở rộng nâng cấp là: 5.132 m trong đó:

(1) Đường sản xuất tại thôn A2 mở rộng và nâng cấp với chiều dài: 3.270 m.

- Tuyến đường mở mới đường sản xuất thôn A2 - T7: 2.220 m.

- Tuyến đường mở mới đường sản xuất thôn A2 - Cha po: 1.050 m.

(2) Tuyến đường Sản xuất Thôn Pa Noong - Khe Ba Ba với chiều dài làm mới: 1.450 m.

(3) Tuyến đường sản xuất Thôn Ta Rung - Khe Ngọc với chiều dài làm mới: 412 m.

2.2. Hệ thống thủy lợi

Quy hoạch hệ thống thủy lợi phù hợp với hệ thống giao thông nội đồng và kênh mương có sẵn. Trong giai đoạn từ năm 2023 đến năm 2025 nâng cấp xây dựng các tuyến kênh mương thủy lợi trên địa bàn xã với tổng chiều dài 5,711 km trên địa bàn sản xuất tại các thôn Ta Rung, Pa Noong.

TT	Tên thôn	Tên tuyến kênh mương thủy lợi	Chiều dài (m)	Giai đoạn QH	Ghi chú
	Tổng		5.711		
1	Ta Rung		2.069		
-	1	Nâng cấp kênh thủy lợi	772	2023-2025	Nâng cấp 2 bên
	2	Nâng cấp kênh thủy lợi	776	2023-2025	Nâng cấp 2 bên
-	3	Nâng cấp kênh thủy lợi	521	2023-2025	Nâng cấp 2 bên
2	Pa Noong		3642		
	1	Nâng cấp kênh thủy lợi	2.746	2023-2025	Nâng cấp 2 bên
-	2	Nâng cấp kênh thủy lợi	896	2023-2025	Nâng cấp 2 bên

7. Quy hoạch hệ thống các công trình công cộng, dịch vụ

Với hiện trạng cơ sở hạ tầng xã hội hiện có, định hướng tổ chức hệ thống các công trình công cộng của xã Hương Sơn đến năm 2030 như sau:

7.1. Hệ thống các trường học

Nhằm đáp ứng nhu cầu giáo dục - đào tạo, thực hiện tốt chương trình kiên cố hoá trường học, ngành giáo dục cần huy động các nguồn lực để xây dựng các phòng, đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn quốc gia. Đến năm 2030, dự kiến nâng cấp trường tiểu học Bha Bha.

7.2. Công trình y tế

Trạm y tế xã vẫn giữ nguyên hiện trạng và đã đạt chuẩn theo đánh giá 19 tiêu chí về NTM.

7.3. Các công trình văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí

Các thôn trên địa bàn xã hiện này đều có các nhà sinh hoạt cộng đồng, nhà văn hoá của từng thôn, phục vụ cho việc hội họp và tổ chức các hoạt động văn hoá và các phong tục tập quán của nhân dân trong thôn, nhất là các dịp lễ tết.

- Nâng cấp nhà họp thôn tại 3 thôn: Bha Bhar, Ta Rung, Pa Noong.
- Làm mới nhà văn hóa xã với diện tích dự kiến tại thôn Bha Bhar: 0,18 ha.
- Xây dựng Khu vui chơi giải trí tại thôn Bha Bhar: 0,08 ha.
- Xây dựng nhà văn hóa xã và công viên trung tâm: Quy mô 1.800 m². Được xây mới bố trí tại trục chính trung tâm của xã.

7.4. Các công trình bảo tồn, du lịch

- Quy hoạch Khu du lịch sinh thái thác T7 diện tích 30 ha.

8. Cơ cấu sử dụng đất:

STT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích QHSD đất đến năm 2030	Tỷ lệ (%)
I	DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN (= 1+2+3)		4.346,72	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	3.991,52	91,83
1.1	Đất trồng lúa	LUA	28,27	0,65
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	28,27	0,65
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	35,09	0,81
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	275,30	6,33
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	1.895,46	43,61
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	1.747,80	40,21
	<i>Trong đó: đất có rừng SX là RTN</i>	<i>RSN</i>	557,00	12,81
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	4,60	0,11
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	5,00	0,12
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	340,61	7,84
2.1	Đất quốc phòng	CQP	-	-
2.2	Đất an ninh	CAN	0,10	0,00
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-
2,4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-
2,5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	30,00	0,69
2,6	Đất cơ sở sản xuất phi NN	SKC	-	-
2,7	Đất sử dụng cho hoạt động K.sản	SKS	-	-
2,8	Đất SX làm VLXD, làm đồ gốm	SKX	8,34	0,19
2,9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	255,41	5,88
2.9.1	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	171,74	3,95
2.9.2	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	75,46	1,74
2.9.3	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	-	-
2.9.4	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	0,38	0,01

STT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích QHSD đất đến năm 2030	Tỷ lệ (%)
2.9.5	Đất xây dựng cơ sở GD&ĐT	DGD	0,77	0,02
2.9.6	Đất XD cơ sở T.Dục-T.Thao	DTT	0,73	0,02
2.9.7	Đất xây dựng cơ sở KH&CN	DKH	-	-
2.9.8	Đất XD cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	-	-
2.9.9	Đất công trình năng lượng	DNL	0,01	0,00
2.9.10	Đất công trình B.chính, ,V. thông	DBV	0,03	0,00
2.9.11	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-
2.9.12	Đất có di tích lịch sử, văn hóa	DDT	-	-
2.9.13	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	-	-
2.9.14	Đất cơ sở tôn giáo	TON	-	-
2.9.15	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	6,28	0,14
2.9.16	Đất chợ	DCH	-	-
2,10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-
2,11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,81	0,02
2,12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,18	0,00
2,13	Đất ở tại nông thôn	ONT	22,23	0,51
2,14	Đất ở tại đô thị	ODT	-	-
2,15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,22	0,01
2,16	Đất XD trụ sở của tổ chức S.Nghiệp	DTS	-	-
2,17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-
2,18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	-	-
2,19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	23,14	0,53
2,20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,18	0,00
2,21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	14,59	0,34

9. Dự báo nhu cầu sử dụng đất

9.1. Đất nông nghiệp

Trong thời kỳ quy hoạch đến năm 2030, nhằm phục vụ chiến lược phát triển kinh tế của toàn xã, diện tích đất nông nghiệp được bố trí sử dụng là 3.991,52 ha, chiếm 91,83 % tổng diện tích tự nhiên, thực giảm 189,80 ha so với năm 2022. Diện tích các loại đất nông nghiệp được bố trí sử dụng như sau:

a. Đất trồng lúa nước

Trong kỳ quy hoạch đất trồng lúa nước là 28,27 ha giữ nguyên với hiện trạng năm 2022.

b. Đất trồng cây hàng năm khác

Trong kỳ quy hoạch đất trồng cây hàng năm là 35,09 ha; giảm 3,00 ha so với hiện trạng năm 2022 lý do giảm là:

- Giảm chuyên ra 1,0 ha thực hiện đường sản xuất từ thôn A2 đến T7 xã Hương

Sơn (giai đoạn 2), 2,0 ha chuyển mục đích đất vườn liền kề sang đất thổ cư.

c. Đất trồng cây lâu năm

Trong kỳ quy hoạch đất trồng cây lâu năm là 270,30 ha; tăng 14,20 ha theo định hướng quy hoạch đến năm 2030 trong đó gồm:

- Tăng Chuyển 30 ha rừng sản xuất rừng trồng sang quy hoạch trồng Dừa tại thôn A2.

- Giảm 1,5 ha làm đường sản xuất từ A2 đến T7 xã Hương Sơn (giai đoạn 2), 0,5 ha nâng cấp mở rộng đường từ trục chính trung tâm xã đến Trường mầm non Hương Sơn, 3,3 ha xây dựng nghĩa trang Hương Sơn, 5 ha xây dựng khu dân cư khe Ngọc, 0,5 ha chuyển đổi diện tích đất vườn sang thổ cư.

TT	Loại cây lâu năm/Theo thôn	Diện tích (ha)	Quy hoạch (ha)	Giai đoạn QH	
				(DT QH mới)	
				2023-2025	2026-2030
	Tổng diện tích	305	305	185	120
1	DA Cam Nam Đông	20	20	20	0
-	Thôn Pa Noong	20	20	20	
2	Dự án Chuối	20	20	20	0
	Thôn Pa Noong	20	20	20	
3	Dự án Dừa	0			
	Thôn A2	30	30	20	10
4	Dự án Quế	265	265	145	120
	Thôn Pa Noong	120	120	70	50
	Thôn A2	110	110	60	50
	Trồng phân tán trên 4 thôn (A2, Pa Noong, Ta Rung, Bha Bhar)	35	35	15	20

- Đất quy hoạch trồng trọt kết hợp chăn nuôi với diện tích 5 ha

d. Đất rừng sản xuất

Trong kỳ quy hoạch đất rừng sản xuất là 1.747,80 ha; thực giảm 211,00 ha rừng trồng so với hiện trạng năm 2022 bao gồm:

- Giảm 30 ha chuyển sang diện tích trồng Dừa tại thôn A2, chuyển sang 30 ha phục vụ mục đích khu du lịch thác T7 và hồ Tả Trạch, chuyển 5 ha Khu chăn nuôi tập trung (tại T7), chuyển 5 ha Đường sản xuất từ thôn A2 đến T7 xã Hương Sơn (giai đoạn 2), 78 ha mở rộng các tuyến đường, vỉa hè liên thôn, trục thôn, chuyển 63 ha mở mới quốc lộ 14 E từ xã Dương Hòa (Thị xã Hương Thủy) đi qua xã Hương Sơn.

- Thay đổi cơ cấu cây trồng 160 ha là diện tích rừng sản xuất là rừng trồng sang phát triển trồng Quế Nam Đông (Giai đoạn 2023 – 2025: 60 ha, giai đoạn 2026 -2030: 100 ha).

e. Đất rừng phòng hộ

Trong kỳ quy hoạch đất không biến động so với hiện trạng với diện tích 1.895,46 ha.

f. Đất nuôi trồng thủy sản

Trong kỳ quy hoạch đất nuôi trồng thủy sản là 4,6 ha giữ nguyên hiện trạng năm 2022.

9.2. Đất phi nông nghiệp

Đến năm 2030, diện tích đất phi nông nghiệp của xã là 340,61 ha, tăng 190,63 ha so với năm 2022. Các loại đất phi nông nghiệp được bố trí sử dụng như sau:

a. Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp

Trong thời kỳ quy hoạch đến năm 2030, diện tích là 0,22 ha; giữ nguyên hiện trạng năm 2022.

b. Đất thương mại, dịch vụ

Trong thời kỳ quy hoạch, diện tích đất thương mại dịch vụ tăng 30,00 ha xây dựng khu du lịch thác T7 và hồ Tả Trạch.

c. Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã

Trong thời kỳ quy hoạch, diện tích đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã 255,41 ha tăng 152,32 ha so với hiện trạng 2022:

- Tăng bao gồm:

+ Đất giao thông: tăng 149,20 gồm:

Xây dựng 7,5 ha đường sản xuất từ thôn A2 đến T7 xã Hương Sơn (giai đoạn 2), 0,50 ha nâng cấp mở rộng đường từ trục chính trung tâm xã đến Trường mầm non Hương Sơn, 0,2 ha đường sản xuất từ thôn A2 đến hết khe Cha Po, 78 ha mở rộng các tuyến đường và vỉa hè liên thôn, trục thôn, xóm ngõ trên địa bàn xã, 63 ha Quốc lộ 14 E, Tỉnh lộ 16 nối từ xã Dương Hòa (Thị xã Hương Thủy) đến xã Hương Sơn. Tăng 3,3 ha quy hoạch xây dựng khu nghĩa trang nhân dân xã Hương Sơn.

- Giảm 0,18 ha chuyển diện tích trường mầm non cũ sang khu vui chơi giải trí trung tâm xã.

d. Đất sinh hoạt cộng đồng

Trong kỳ quy hoạch, đất sinh hoạt cộng đồng giảm 0,52 ha so với hiện trạng 2022. Giảm do chuyển đổi 0,52 ha đất sinh hoạt cộng đồng tại các thôn Ta Rung, Bha Bhar, Pa Noong để chuyển thành đất ở nông lý do diện tích này hiện tại không sử dụng vào mục đích cộng đồng.

9.3. Đất ở khu dân cư nông thôn

Trong thời kỳ quy hoạch đất khu dân cư nông thôn xã tăng cho xây dựng các điểm dân cư theo quy hoạch. Tổng cộng 8,55 ha bao gồm:

Dự kiến quy hoạch các khu đất sau để bố trí dân cư:

- Đất xen ghép thôn Pa Noong diện tích: 2,03 ha
- Trụ sở nhà sinh hoạt cộng đồng không sử dụng chuyển sang đất ở: 0,52 ha (tại thôn Bha Bha, Pa Nong, Ta Rung)
- Quy hoạch đất ở trong khu trung tâm xã: 1,0 ha.
- Quy hoạch đất ở Khu dân cư khe ngọc thuộc thôn Ta Rung với diện tích 5,0 ha.

Như vậy, đến năm 2030 diện tích đất ở tại nông thôn trên địa bàn xã là tăng 8,50 ha so với năm 2022.

Các điểm dân cư của xã Hương Sơn đã định hình và phát triển từ lâu đời ở 4 thôn trên địa bàn xã, chủ yếu tập trung hai bên các đường giao thông liên xã, đường trục thôn. Các điểm dân cư này ở các vị trí khá ổn định, không ảnh hưởng nhiều bởi thiên tai nên không cần chỉnh trang nhiều. Tuy nhiên xen kẽ trong đất ở là đất trồng cây lâu năm, đất vườn tạp, đất vườn ao liền kề đất ở nên người dân có nhu cầu chuyển đổi sang đất ở với tổng diện tích 3,57 ha. Cụ thể như sau:

TT	Nội dung quy hoạch đất ở	Diện tích (ha)	Vị trí (thôn)	Giai đoạn Quy hoạch
	Tổng diện tích quy hoạch đất ở dân cư nông thôn	8,55		
I	Đất chuyển đổi	3,55		
1	Đất chuyển đổi mục đích từ vườn, ao liền kề đất ở và đất nông nghiệp xem ghép trong khu dân cư sang đất ở nông thôn	2,03	Pa Noong	2023-2025
2	Trụ sở không sử dụng chuyển sang đất ở	0,52	Bha Bhar, Pa Noong, Ta Rung	2023-2025
3	Đất ở trong khu trung tâm xã	1,0	Ta Rung	2023-2025
II	Đất quy hoạch khu dân cư tập trung	5,00		
1	QH khu dân cư tập trung Khe Ngọc	5,0	Ta Rung	2026 -2030

6.4. Đất hạ tầng

Nhu cầu sử dụng đất phát triển hệ thống giao thông trên địa bàn xã:

a. Quy hoạch giao thông

(*) Đường bê tông làm mới và chỉnh sửa đến năm 2030 là: 3,741 km. Trong đó các thôn như sau:

(1) Đường bê tông tại thôn Bha Bhar mở rộng và làm mới 1,015 km trong đó

+ Đường làm mới 0,590 km.

+ Đường mở rộng và nâng cấp: 0,425 km.

(2) Đường bê tông tại thôn Ta Rung: mở rộng và nâng cấp 0,650 km.

(3) Đường bê tông tại thôn Pa Noong: mở rộng và nâng cấp 1,726 km: trong đó mở rộng và nâng cấp đường bê tông: 1,036 km và mở rộng và nâng cấp đường nhựa: 0,690 km.

(4) Nâng cấp đường bê tông tại thôn A2 với chiều dài 0,350 km.

(5) Mở rộng và nâng cấp tỉnh lộ 74 Hương Sơn đi A Lưới với chiều dài 12,45 km.

(6) Mở mới QL 14E Hương Sơn đi xã Dương Hòa (thuộc thị xã Hương Thủy) với chiều dài 4,46 km.

9.5. Nhu cầu sử dụng đất xây dựng các công trình văn hóa thể thao

Các thôn trên địa bàn xã hiện này đều có các nhà sinh hoạt cộng đồng, nhà văn hoá của từng thôn, phục vụ cho việc hội họp và tổ chức các hoạt động văn hoá và các phong tục tập quán của nhân dân trong thôn, nhất là các dịp lễ tết.

- Nâng cấp nhà họp thôn tại 3 thôn: Bha Bhar, Ta Rung, Pa Noong.
- Làm mới nhà văn hóa xã với diện tích dự kiến tại thôn Bha Bhar: 0,18 ha.
- Khu vui chơi giải trí tại thôn Bha Bhar: 0,08 ha.

10. Các chương trình dự án ưu tiên đầu tư

TT	Tên dự án	Quy mô	Định mức (Triệu)	Dự kiến kinh phí(triệu đồng)			Thời gian thực hiện		Ghi chú
				Tổng	Nhà nước	Doanh nghiệp/ người dân	Đến năm 2025	Đến năm 2030	
	Tổng cộng			116.816,61	99.141,11	17.675,50	75.014,34	41.802,27	
A	Các dự án kêu gọi doanh nghiệp đầu tư	ha		3.000,0	-	3.000,00	3.000,00		
1	Khu du lịch thác T7 và hồ Tả Trạch	30,00	100,0	3.000,0		3.000,00	3.000,00		
B	Các dự án phát triển sản xuất			20.965,0	6.289,5	14.675,5	14.365,0	6.600,0	
1	Trồng cây ăn quả (Chuối)	20,00	90,0	1.800,0	540,0	1.260,0	1.800,0		Đề án TCC ngành NN
2	Trồng cây ăn quả (Cam)	20,00	68,0	1.360,0	408,0	952,0	1.360,0		Đề án TCC ngành NN
3	Trồng cây ăn quả (Dứa)	30,00	90,0	2.700,0	810,0	1.890,0	1.800,0	900,0	Đề án TCC ngành NN
4	Trồng Cây Quế	265,00	57,0	15.105,0	4.531,5	10.573,5	9.405,0	5.700,0	Đề án TCC ngành NN
C	Các dự án đầu tư hạ tầng			92.851,6	92.851,6	-	57.649,34	35.202,27	
I	Hạ tầng kỹ thuật	Km		62.537,2	62.537,2		31.268,6	31.268,6	
1	Mở rộng và nâng cấp đường bê tông thôn Bha Bhar	0,425	1.226,0	521,1	521,1		260,5	260,5	QĐ 65/2021/QĐ-BXD
2	Làm mới đường bê tông thôn Bha Bhar	0,59	1.226,0	723,3	723,3		361,7	361,7	QĐ 65/2021/QĐ-BXD
3	Mở rộng và nâng cấp đường bê tông thôn Ta Rung	0,65	1.226,0	796,9	796,9		398,5	398,5	QĐ 65/2021/QĐ-BXD
4	Mở rộng và nâng cấp đường bê tông thôn Pa Noong	1,726	1.226,0	2.116,1	2.116,1		1.058,0	1.058,0	QĐ 65/2021/QĐ-BXD
5	Mở rộng và nâng cấp đường bê tông thôn A2	0,35	1.226,0	429,1	429,1		214,6	214,6	QĐ 65/2021/QĐ-BXD
6	Mở rộng tỉnh lộ 74 Hương Sơn đi A Lưới (tạm tính cho 13,5m hoặc 16m)	12,45	2.813,0	35.021,9	35.021,9		17.510,9	17.510,9	QĐ 65/2021/QĐ-BXD
7	Mở mới QL 14 E Hương Sơn đi Hương Thủy (tạm tính cho 26m)	4,46	5.141,0	22.928,9	22.928,9		11.464,4	11.464,4	QĐ 65/2021/QĐ-BXD
II	Hạ tầng xã hội và công cộng	m2						-	

TT	Tên dự án	Quy mô	Định mức (Triệu)	Dự kiến kinh phí(triệu đồng)			Thời gian thực hiện		Ghi chú
				Tổng	Nhà nước	Doanh nghiệp/ người dân	Đến năm 2025	Đến năm 2030	
				10.442,0	10.442,0		10.442,0		
1	Xây dựng trụ sở công an xã	300	8,1	2.430,0	2.430,0		2.430,0		QĐ 65/2021/QĐ-BXD
2	Xây dựng nhà văn hóa xã	500	8,1	4.050,0	4.050,0		4.050,0		QĐ 65/2021/QĐ-BXD
3	Khu vui chơi giải trí	800	0,9	752,0	752,0		752,0		QĐ 65/2021/QĐ-BXD
4	Nâng cấp nhà họp thôn Bha Bhar	200	5,4	1.070,0	1.070,0		1.070,0		QĐ 65/2021/QĐ-BXD
5	Nâng cấp nhà họp thôn Ta Rung	200	5,4	1.070,0	1.070,0		1.070,0		QĐ 65/2021/QĐ-BXD
6	Nâng cấp nhà họp thôn Pa Noong	200	5,4	1.070,0	1.070,0		1.070,0		QĐ 65/2021/QĐ-BXD
III	Hạ tầng phục vụ sản xuất	5,132		7.867,4	7.867,4		3.933,7	3.933,7	
1	Đường Sản Xuất thôn A2-T7	2,22	1.533,0	3.403,3	3.403,3		1.701,6	1.701,6	CT Mục tiêu QG đồng bào DTTS
2	Đường Sản Xuất Thôn A2 - Cha po	1,05	1.533,0	1.609,7	1.609,7		804,8	804,8	CT Mục tiêu QG đồng bào DTTS
3	Đường Sản Xuất Thôn Pa Noong - Khe Ba ba	1,45	1.533,0	2.222,9	2.222,9		1.111,4	1.111,4	CT Mục tiêu QG đồng bào DTTS
4	Đường Sản Xuất Thôn Ta Rung - Khe Ngọc	0,412	1.533,0	631,6	631,6		315,8	315,8	CT Mục tiêu QG đồng bào DTTS
IV	HT bảo vệ môi trường và nghĩa trang	km		12.005,1	12.005,1		12.005,1	-	
1	Xây dựng bờ kè thôn Ta Rung	0,25	1.466,0	366,5	366,5		366,5		CT Mục tiêu QG đồng bào DTTS
2	Xây dựng mới và nâng cấp bờ kè thôn Bha Bha	0,448	1.466,0	656,8	656,8		656,8		CT Mục tiêu QG đồng bào DTTS
3	Mở rộng kênh mương phục vụ tưới tiêu tại thôn Ta Rung	2,069	1.466,0	3.033,2	3.033,2		3.033,2		CT Mục tiêu QG đồng bào DTTS
4	Mở rộng kênh mương phục vụ tưới tiêu tại thôn Pa Nong	3,642	1.466,0	5.339,2	5.339,2		5.339,2		CT Mục tiêu QG đồng bào DTTS
5	Xây dựng nghĩa trang nhân dân xã (ha)	3,56 (ha)	733,0	2.609,5	2.609,5		2.609,5		CT Mục tiêu QG đồng bào DTTS

11. Các bản vẽ gồm có

- Thuyết minh quy hoạch chung xây dựng xã Hương Sơn, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030.
- Dự thảo Quy định quản lý đồ án theo quy hoạch chung xây dựng xã.
- Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã.
- Các loại bản đồ theo quy định

UBND xã Hương Sơn kính đề nghị Phòng Kinh tế và Hạ tầng thẩm định, trình UBND huyện phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Hương Sơn, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Kinh tế-Hạ tầng huyện;
- Đảng ủy, HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Đơn vị tự vấn lập đồ án;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hồ Thanh Nghi